

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Vũ Công Đ - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Đích Nh - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phương S đại diện theo pháp luật. Có mặt tại phiên tòa.

3.2- Bà Trương Thị V, sinh năm 1960. Vắng mặt tại phiên tòa;

3.3- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1962. Vắng mặt tại phiên tòa;

3.4- Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966. Vắng mặt tại phiên tòa;

3.5- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973. Vắng mặt tại phiên tòa;

3.6- Ông Đặng Văn Nh1, sinh năm 1955. Có mặt tại phiên tòa;

Cùng địa chỉ: Thôn Phương L 2, xã Phương S, huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh1:* Bà Giáp Thị H3 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 7 năm 2018 của ông Trịnh Hữu H, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16 tháng 7 năm 2018 của ông Trịnh Hữu K, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa ông Trịnh Hữu K, ông Trịnh Hữu H trình bày:*

Theo bản đồ quy hoạch xã Phương S năm 1988 thì giữa diện tích đất thổ cư của hộ gia đình ông Đặng Văn Nh1 và ông Phạm Văn T có lối đi lên làn 2 đất lâm nghiệp để các hộ dân đi lại sản xuất, trồng các cây hoa màu trên đất lâm nghiệp, con đường này có chiều rộng 3m và chiều dài 45m. Đến tháng 02/2017 ông Nh1 cho máy múc đào đất làm nhà thuộc phần đất là lối đi chung của thôn Phương L 2, xã Phương S. Ông và ông K đã làm đơn đến UBND xã Phương S, huyện Lục N đề nghị giải quyết. Ngày 28/6/2017, UBND xã Phương S có Công văn trả lời số 56/UBND-ĐC. Không đồng ý với Công văn trên, ông K làm đơn đề nghị đến UBND huyện Lục N, nhưng ông K không nhận được bất cứ văn bản trả lời của UBND huyện Lục N.

Ngày 24/7/2017, ông H tiếp tục nhận được Công văn số 62/UBND- ĐC của UBND xã Phương S trả lời đơn đề nghị của ông H. Không đồng ý với nội dung Công văn số 62, ông H tiếp tục làm đơn đề nghị đến UBND huyện Lục N. Tại Công văn số 2022/UBND-TNMT ngày 08/11/2017, UBND huyện Lục N đã yêu cầu Chủ tịch UBND xã Phương S xem xét giải quyết lại đơn đề nghị của ông theo đúng quy định. Ngày 29/11/2017, UBND xã Phương S ban hành Công văn số 110/UBND-ĐC giải quyết đơn của ông H. Không đồng ý với Công văn số 110, ông H tiếp tục làm đơn đề nghị đến UBND huyện Lục N. Ngày 04/6/2018, ông H nhận được Công văn số 568/UBND-TNMT của UBND huyện Lục N trả lời đơn của ông H.

Ngày 18/6/2018, ông H nộp đơn khởi kiện và ngày 18/7/2018 ông K, ông H nộp đơn khởi kiện bổ sung, khởi kiện UBND huyện Lục N, với các căn cứ sau:

Theo bản đồ quy hoạch tại xã Phương S năm 1988 thì giữa diện tích đất ở của gia đình ông Nh1 và ông Phạm Văn T có đường đi lên làn 2 đất lâm nghiệp để các hộ dân đi lên sản xuất, trồng các cây hoa màu, con đường này có diện tích chiều rộng 3 mét và chiều dài 45 mét.

Năm 2002, UBND huyện Lục N cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nh1 vẫn thể hiện con đường có chiều rộng 3m và chiều dài 45m.

Năm 2006, UBND huyện Lục N cấp đổi GCNQSDĐ cho hộ ông Nh1 đã cấp luôn cả phần đường đi lên đất lâm nghiệp vào diện tích đất hộ ông Nh1.

Vì vậy, ông H, ông K đề nghị Tòa án hủy một phần quyết định 4573/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của UBND huyện Lục N về việc cấp đổi GCNQSDĐ đổi với hộ gia đình ông Nh1 và yêu cầu ông Nh1 khôi phục nguyên trạng ban đầu lối đi chung với chiều rộng 3m và chiều dài 45m.

** Tại Bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án ông Giáp Văn O đại diện theo văn bản ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang trình bày:*

Qua thực tế sử dụng đất của hộ ông Đặng Văn Nh1 tại thời điểm ông Nh1 được cấp GCNQSDĐ lần đầu năm 2002 thì giữa hộ ông Nh1 và ông T không có khoảng đất trống nào rộng 3m, dài 45m để làm đường đi như bản đồ quy hoạch xã Phương S lập năm 1988. Thực tế bản đồ quy hoạch năm 1988 của xã Phương S chỉ là bản đồ phục vụ cho việc quản lý đất đai chứ không được công nhận. Tại thời điểm năm 2002, ông Nh1 đang sử dụng đất có tứ cạnh giáp ranh: phía Bắc giáp đất của hộ ông K, phía Nam giáp đất hộ ông T, phía Tây giáp đất lâm nghiệp hộ ông Nh1, phía Nam giáp đường thôn. Do có quy hoạch con đường theo bản đồ quy hoạch năm 1988 nên hồ sơ cấp GCNQSDĐ của hộ ông Nh1 có thể hiện con đường 3m để đi lên đất lâm nghiệp phía sau.

Năm 2005 xã Phương S thực hiện đo đạc bản đồ địa chính chính quy. Ngày 20/12/2006 UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND về việc cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ, sau khi đã đo đạc bản đồ địa chính chính quy, thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nh1 căn cứ vào:

Thứ nhất: Hiện trạng sử dụng đất dựa trên kết quả đo đạc thực tế trên bản đồ địa chính, hiện trạng đo đạc không có đoạn đường nào giáp đất ông Nh1 và ông T.

Thứ hai: Căn cứ hình thể, tứ cận của thửa đất, xác định đất không tranh chấp, không lấn chiếm với các hộ liền kề, không chuyển nhượng, không nhận chuyển nhượng, không nhận thừa kế.

Thứ ba: Căn cứ vào GCNQSDĐ của ông Nh1 được cấp năm 2002.

Theo 03 căn cứ trên thì ông Nh1 đủ điều kiện cấp đổi GCNQSDĐ theo Điều 144 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành luật đất đai năm 2003.

Quy trình ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 như sau: Sau khi bản đồ địa chính năm 2005 xã Phương S được phê duyệt, do nhu cầu

cấp đổi GCNQSDĐ của chủ sử dụng đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất đã được chủ sử dụng đất liên kết ký xác nhận, UBND xã Phương S đã thành lập Hội đồng xét duyệt cấp GCNQSDĐ, biên bản họp xét duyệt của Hội đồng xét duyệt, thông báo công khai, thông báo kết thúc công khai danh sách cấp GCNQSDĐ được niêm yết tại Nhà văn hóa thôn và tại Trụ sở UBND xã Phương S. Ngày 20/11/2006, UBND xã Phương S lập biên bản kết thúc công khai danh sách cấp GCNQSDĐ không có cá nhân, hộ dân, tổ chức nào có ý kiến gì. Sau khi kết thúc công khai thì UBND xã Phương S có Tờ trình đề nghị UBND huyện Lục N cấp GCNQSDĐ. Sau đó, ngày 20/12/2006 UBND huyện Lục N đã ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSDĐ ở, đất lâm nghiệp (trong đó có hộ ông Nh1) là đảm bảo đúng quy định tại Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính và Điều 144 của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai.

UBND huyện Lục N đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu H và ông Trịnh Hữu K.

** Tại Công văn số 21/UBND-ĐC ngày 03/4/2019, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dương Đích Nh - Đại diện UBND xã Phương S, huyện Lục N trình bày:*

Trên địa bàn xã Phương S từ trước đến nay chỉ có 01 bản đồ chính quy đo đạc năm 2005. Bản đồ quy hoạch năm 1988 là bản đồ không được công nhận, không có xác nhận của đơn vị đo đạc và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tại thời điểm năm 1994 thì con đường có chiều rộng 3m, chiều dài 45m như ông H và ông K trình bày là rãnh nước chảy, cây mốoc điều ở phía trên rậm rạp, phía trên là đồi sản của các hộ dân, con đường này không có ai đi đến, do mưa nước chảy thành rãnh rậm rạp không đi được. Con đường làn 2 phía sau đất nhà ông Nh1, ông K, ông D1... trước đây là có, mục đích của con đường này là để phục vụ cho cho các hộ có đất lâm nghiệp đi lại sản xuất. Tuy nhiên, từ khoảng năm 1992 đến năm 1996 các hộ có đất lâm nghiệp ở phía trên đã chuyển nhượng đất cho các hộ dân có đất thổ cư liền kề phía dưới quản lý, sử dụng. Đến năm 2005 xã Phương S thực hiện việc đo đạc bản đồ địa chính, các hộ dân có đất thổ cư phía dưới đã tự sáp nhập con đường làn 2 phía trên vào phần đất lâm nghiệp của mình và các hộ dân này đã được cấp GCNQSDĐ từ năm 2006. Do đó, việc cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ năm 2006 cho các hộ dân trên địa bàn xã Phương S (trong đó có hộ gia đình ông Nh1) được thực hiện công khai và đúng quy trình.

Trong quá trình giải quyết đơn thư của ông K, ông H, ngày 16/6/2017 Trưởng thôn Phương L 2, xã Phương S đã mời 08 hộ gia đình có liên quan trực tiếp đến con đường, họp lấy ý kiến, kết quả có 05 hộ gia đình gồm ông Nh1, ông T, ông Hoạt, ông Thiện, bà L2 có ý kiến giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất như hiện nay, 02 hộ dân gồm hộ bà Nhị, ông K có ý kiến đề nghị cắt trả lại con đường và hộ ông H không có ý kiến gì.

Ngày 28/11/2017, UBND xã Phương S đã chỉ đạo thôn Phương L 2 lấy phiếu xin ý kiến nhân dân về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân như hiện tại hay khôi phục lại con đường quy hoạch năm 1994. Kết quả thôn Phương L 2 có 173 hộ dân, số phiếu được phát ra 162 phiếu, số phiếu thu về 159

phiếu (do có 03 hộ dân không nộp lại), số phiếu hợp lệ 155 phiếu, số phiếu không hợp lệ 04 phiếu, số phiếu đồng ý giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các hộ hiện tại là 66 phiếu, số phiếu ý kiến yêu cầu khôi phục lại con đường quy hoạch năm 1994 là 30 phiếu, số phiếu không có ý kiến gì là 59 phiếu.

UBND xã Phương S cho rằng, việc ông Trịnh Hữu H và ông Trịnh Hữu K khởi kiện UBND huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ.

** Tại bản tự khai ngày 20/3/2019 của ông Đặng Văn Nh1 và bà Nguyễn Thị H1, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông Nh1 tại phiên tòa sơ thẩm ông Nh1 và bà H1 trình bày:*

Từ trước năm 1995, năm 1996 những hộ dân có đất canh tác phía sau đất thổ cư gia đình ông đều đã chuyển nhượng đất cho các hộ dân ở phía trước. Địa hình đất lâm nghiệp ở phía sau đất nhà ông dốc cao, trước đây có rạch con đường để đi lên đất lâm nghiệp, lối đi này nước chảy dốc thành vạch nước, ông có trồng cây moóc điều rậm rạp. Đến năm 1992, ông K1 chuyển nhượng đất lâm nghiệp cho ông liền kề phía sau đất thổ cư của gia đình ông. Sau đó, năm 1995 và năm 1996 các hộ dân khác đều chuyển nhượng đất cho các hộ dân có đất thổ cư liền kề phía trước như hộ gia đình ông và hộ gia đình ông K. Từ năm 1995 thì con đường ban đầu mà sau đó là rãnh nước chảy đã không được các hộ dân sử dụng. Năm 2002, UBND huyện Lục N đã cấp GCNQSDĐ dựa trên đo đạc thực tế đất của các hộ, trong đó có hộ gia đình ông. Năm 2006, gia đình ông được cấp đổi GCNQSDĐ cùng nhiều hộ dân khác trong thôn. Việc UBND huyện Lục N cấp đổi GCNQSDĐ cho gia đình ông là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế sử dụng đất của gia đình ông. Chính vì vậy, ông K và ông H khởi kiện yêu cầu yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20/12/2006 của UBND huyện Lục N về việc cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ cho gia đình ông là không có căn cứ. Ông H, ông K yêu cầu ông khôi phục nguyên trạng ban đầu của lối đi chung nằm giữa hộ ông và ông T với chiều dài 45m, chiều rộng 3m không có căn cứ bởi lẽ lối đi chung giữa đất nhà ông và ông T thực chất chỉ là rãnh nước chảy chứ không phải con đường như ông H và ông K trình bày.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 4 năm 2019 ông Phạm Văn T trình bày:*

Ông canh tác trên thửa đất của gia đình ông giáp với con đường đi lên đất lâm nghiệp phía sau từ năm 1981 đến năm 1983 hoặc năm 1984 ông xây dựng nhà trên thửa đất. Giáp ranh giữa đất nhà ông và đất nhà ông Nh1 là một lối đi có chiều rộng khoảng 2m để các hộ dân đi lại trồng khoai, sắn trên đất lâm nghiệp phía sau đất thổ cư của các hộ dân như ông Nh1, ông K... Do con đường không có người tu sửa nên trời mưa nước chảy xuống thành rãnh mương, có hàng rào cây moóc điều hai bên. Ông không biết rõ thời gian, ông chỉ biết các hộ dân có đất lâm nghiệp phía sau sử dụng con đường đi lên đất lâm nghiệp đã chuyển nhượng đất cho các hộ dân có đất thổ cư phía trước như hộ gia đình ông Nh1, ông K,... nên lối đi có chiều rộng khoảng 2m không được người dân sử dụng đến nữa. Tòa án giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông nên ông không có yêu cầu gì.

** Tại bản tự khai ngày 03/4/2019 bà Trương Thị V trình bày:*

Bà đồng ý với yêu cầu của ông K khởi kiện hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND vì UBND huyện Lục N cấp GCNQSDĐ cho ông Nh1 làm mất đường đi lên đất lâm nghiệp của nhà bà.

* *Đối với bà Nguyễn Thị H2*: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho bà H2, tuy nhiên do bà H2 đi làm nên Tòa án không lấy được lời khai bà H2, đồng thời bà H2 cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của bà H2 cho Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có lời khai của bà H2.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144, khoản 1 Điều 358 Luật tố tụng hành chính. Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu K do ông Trịnh Hữu H đại diện.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu H về việc đề nghị Tòa án:

- Hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Lục N về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đặng Văn Nh1.

- Buộc ông Đặng Văn Nh1 khôi phục nguyên trạng ban đầu lối đi chung nằm giữa thửa đất hộ ông Nh1 và ông T với chiều rộng 3m và chiều dài 45m.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Từ ngày 08 đến ngày 11 tháng 7 năm 2019, người khởi kiện là ông Trịnh Hữu H và ông Trịnh Hữu K có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Từ các tài liệu trong hồ sơ có thể khẳng định ông K chỉ được UBND huyện Lục N giải quyết khiếu nại lần đầu khi có Văn bản số 256/UBND-TNMT ngày 14/05/2018 và sau khi Tòa thụ lý vụ án và thu thập được tài liệu thì ông K mới được nhận Quyết định số 4573 và biết được toàn bộ nội dung của Quyết định này, còn trước đó ông K chỉ biết tên Quyết định số 4573 nhưng không được nhận Quyết định này và không được ai đọc hay cung cấp về nội dung đầy đủ của Quyết định

nên không thể xác định là ngày tính thời hiệu khởi kiện là 28/6/2017. Vì vậy, ngày nộp đơn khởi kiện lần đầu là ngày 18/6/2018 vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện (tính từ ngày 14/5/2018) nên yêu cầu khởi kiện vẫn còn thời hiệu và phải được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định yêu cầu khởi kiện của ông K đã hết thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng.

Về trình tự, thủ tục ban hành và nội dung Quyết định số 4573/QĐ-UB ngày 20/12/2006 của UBND huyện Lục N thì đối chiếu với quy định về việc cấp đổi GCNQSDĐ được quy định tại Điều 144 Nghị định số 181 thì việc cấp đổi GCNQSDĐ không phải hạn hành Quyết định hành chính nên việc UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UB ngày 20/12/2006 cho các hộ gia đình thuộc diện cấp đổi GCNQSDĐ là trái pháp luật.

Về các quyết định có liên quan thì theo quy định tại Điều 203 và Điều 204 Luật đất đai năm 2013 trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp/khiếu nại về đất đai lần đầu phải do UBND xã Phương S - đối với tranh chấp về đất đai và UBND huyện Lục N - đối với khiếu nại về đất đai ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai. Tuy nhiên việc UBND huyện Lục N và UBND xã Phương S chỉ ban hành công văn trả lời là không đúng với hình thức ban hành quyết định giải quyết tranh chấp/khiếu nại về đất đai.

Ngoài ra, việc UBND huyện Lục N ban hành Quyết định số 4573 khi không thẩm tra, kiểm tra ranh giới, diện tích và nguồn gốc đất dẫn đến cấp cả phần diện tích đường vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nh1 là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Trịnh Hữu H và ông Trịnh Hữu K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Nh1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nh1 vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa trình bày quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Căn cứ Điều 204, 205, 206 Luật tổ tụng hành chính, đơn kháng cáo của đương sự đúng quy định hình thức, trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung:

Đối với việc kháng cáo của ông Trịnh Hữu K: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đơn khởi kiện của ông K khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Đồng thời căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu K. Tuy nhiên, do quyết định hành chính bị kiện và yêu cầu khởi kiện có liên quan chặt chẽ với nhau. Căn cứ quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm có quyền xem xét các quyết định hành chính có liên quan để giải quyết toàn diện, triệt để vụ án.

Đối với kháng cáo của ông Trịnh Hữu H: Với các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện giữa đất hộ ông Nh1 và hộ ông T có con đường có chiều rộng 3m, chiều dài 45m là lối đi lên đất lâm nghiệp sau nhà ông Nh1 và các hộ canh tác đất lâm nghiệp. Từ năm 1995 một số hộ ở khu vực đó đã nhận chuyển nhượng các lô đất lâm nghiệp liền kề với thửa đất ở của gia đình mình để mở rộng diện tích và thuận tiện canh tác. Khi nhận chuyển nhượng, lô đất lâm nghiệp xong, các hộ tự ý lấp bỏ đường đi nêu trên, sau đó sáp nhập phần diện tích đường đi vào các thửa đất ở và đất lâm nghiệp liền kề mà các hộ đang sử dụng, trong đó có hộ ông Nh1.

Quá trình sử dụng đất của hộ ông Nh1 thể hiện diện tích đất tăng lên theo thời gian, cụ thể: Theo bản đồ giải thửa năm 1988: Diện tích đất hộ ông Nh1 là 943m², tại thửa số 110. Năm 2002, hộ ông Nh1 được cấp giấy chứng nhận 1.200m² tại thửa số 64, bản đồ số 22. Năm 2006, hộ ông Nh1 được cấp 1.262,6m² tại thửa số 64, bản đồ số 22. Quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều không có sự lý giải lý do có sự tăng lên về diện tích của hộ ông Nh1.

Quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập các tài liệu sau: sổ địa chính, sổ mục kê trước năm 2002, để làm rõ sự biến động trong quá trình sử dụng đất của hộ ông Nh1, có việc ông Nh1 tự ý sáp nhập diện tích của con đường có chiều rộng 3m, chiều dài 45m là lối đi lên đất lâm nghiệp hay không? Con đường đó thuộc đất công hay đất của ai? Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập hồ sơ giao đất lâm nghiệp năm 1994 để xem xét lối đi giữa hộ ông Nh1 và ông T lên đất lâm nghiệp cụ thể ra sao để làm rõ hộ ông Nh1 sáp nhập diện tích bao nhiêu? Những chứng cứ, tài liệu trên không thể xác minh, thu thập tại cấp phúc thẩm. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm các quy định về thu thập tài liệu, chứng cứ quy định tại Điều 84 Luật tố tụng hành chính.

Mặt khác không có tài liệu nào thể hiện ông Nh1 được cấp có thẩm quyền giao đất giao cho phần đất này nhưng UBND huyện Lục N lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002, năm 2006 cho hộ gia đình ông Nh1 bao gồm

cả phần đất này. Ngoài ra, hồ sơ trình tự ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh1 thiếu đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ sử dụng và văn bản thẩm tra hồ sơ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N là không đảm bảo theo quy định của Luật đất đai 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về đất đai, Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H và ông K bổ sung yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Lục N bồi thường tiền công chăm sóc cây trồng trên 9 sào đất lâm nghiệp của ông K số tiền 4.000.000đ/1 năm x 16 năm, bồi thường tiền ông H, ông K thuê luật sư tư vấn, viết đơn khởi kiện và đi khởi kiện số tiền 30.000.000đ và tiền phí thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H tại Tòa án là 30.000.000đ, yêu cầu này được người khởi kiện bổ sung sau khi Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật tổ tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, UBND huyện nêu con đường chỉ là ý chí quy hoạch, không có thực tế. Ông H thì trình bày con đường có từ năm 1988, nên hai bên không thống nhất.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông H, ông K. Hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì đơn khởi kiện của ông H trong thời hiệu khởi kiện và căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tháng 4/2017, ông K đến UBND xã Phương S, huyện Lục N đề nghị giải quyết về việc ông Đặng Văn Nh1 lấn chiếm đường đi của thôn. Quá trình giải quyết tranh chấp, ngày 23 tháng 5 năm 2017 ông K nộp đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N đề nghị giải quyết về việc ông Nh1 tự ý lấn chiếm đất đường đi của các hộ dân. Ngày 30 tháng 5 năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện Lục

N ban hành Công văn số 683/UBND-TTr chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Phương S kiểm tra, xác minh, trả lời công dân. Ngày 28 tháng 6 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành công văn số 56/UBND-ĐC trả lời đơn đề nghị của ông Trịnh Hữu K. Trong ngày 28 tháng 6 năm 2017 ông Trịnh Hữu K đã nhận được Công văn số 56/UBND-ĐC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N (bút lục 252). Sau khi nhận được Công văn số 56/UBND-ĐC ngày 28 tháng 6 năm 2017 ông K đã làm đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N nhưng chưa nhận được bất K văn bản trả lời nào của Ủy ban nhân dân huyện Lục N đối với đơn đề nghị của ông. Ngày 18 tháng 7 năm 2018 ông K nộp đơn khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang đến Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 về cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đặng Văn Nh1 và yêu cầu ông Đặng Văn Nh1 khôi phục nguyên trạng ban đầu lối đi chung nằm giữa thửa đất hộ ông Nh1 và ông T với chiều rộng 3m và chiều dài 45m. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông K và ông H nộp tài liệu chứng cứ chứng minh ông K đã tiếp tục nộp đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N nhưng ông K và ông H đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc ông K đã tiếp tục nộp đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân huyện Lục N, ngày 11 tháng 6 năm 2019 Ủy ban nhân dân huyện Lục N có Công văn phúc đáp số 785/UBND-VP ngày 11 tháng 6 năm 2019, nội dung công văn thể hiện kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện Lục N không nhận được đơn đề nghị nào của ông Trịnh Hữu K. Hội đồng xét xử thấy đơn khởi kiện của ông K khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu K là đúng.

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính:

[2.1] Về trình tự và thủ tục ban hành Quyết định 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006:

Căn cứ theo Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai, Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, thì Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 đảm bảo theo đúng quy định. Tuy nhiên, hồ sơ trình tự ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nh1 còn thiếu đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chủ sử dụng và văn bản thẩm tra hồ sơ của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất trực thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N mà Ủy ban xác định tài liệu này đã bị thất lạc. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lục N cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong quá trình quản lý và lưu trữ hồ sơ là có căn cứ.

[2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính liên quan:

Công văn số 56/UBND-ĐC ngày 28 tháng 6 năm 2017, công văn số 62/UBND-ĐC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N và Công văn số 568/UBND-TNMT ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang.

Đối với Công văn số 56/UBND-ĐC ngày 27/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Trịnh Hữu K: Do ông K biết được ông Nh1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bao gồm lối đi chung của thôn do đó ngày 23 tháng 5 năm 2017 ông K nộp đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N đề nghị giải quyết về việc ông Nh1 tự ý lấn chiếm đất đường đi của các hộ dân. Ngày 30 tháng 5 năm 2017 Ủy ban nhân dân huyện Lục N đã ban hành Công văn số 683/UBND-TTr chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã Phương S kiểm tra xác minh, trả lời công dân. Ngày 28 tháng 6 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành Công văn số 56/UBND-ĐC trả lời đơn của ông Trịnh Hữu K. Như vậy, Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N đã tiến hành kiểm tra, xác minh, họp lấy ý kiến nhân dân để giải quyết đơn đề nghị của ông K đảm bảo đúng quy định.

Đối với Công văn số 62/UBND-ĐC ngày 28/7/2017 và Công văn số 110/UBND-ĐC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N:

Do ông H biết được ông Nh1 đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục N cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bao gồm lối đi chung của thôn do đó ngày 14 tháng 7 năm 2017 ông H làm đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện Lục N đề nghị giải quyết việc ông Nh1 lấn chiếm đường đi của tập thể. Ủy ban nhân dân huyện Lục N đã ban hành Công văn số 1475/UBND-TCD chuyển đơn đề nghị của ông H và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phương S giải quyết đơn đề nghị và ban hành Công văn trả lời công dân. Ngày 28 tháng 7 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Phương S đã ban hành Công văn số 62/UBND-ĐC trả lời đơn của ông H. Không đồng ý với Công văn số 62/UBND-ĐC ngày 28 tháng 7 năm 2017 ông H tiếp tục nộp đơn đề nghị đến Ủy ban nhân dân huyện Lục N, Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành Công văn số 2022/UBND-TNMT ngày 08 tháng 11 năm 2017 yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phương S xem xét giải quyết lại đơn đề nghị của ông H theo đúng quy định, Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành Công văn số 110/UBND-ĐC ngày 29 tháng 11 năm 2017 giải quyết đơn của ông Trịnh Hữu H. Như vậy, sau khi nhận được đơn của ông H được Ủy ban nhân dân huyện Lục N chuyển về Ủy ban nhân dân xã Phương S chưa tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ mà ban hành Công văn số 62/UBND-ĐC ngày 28 tháng 6 năm 2017 là chưa đảm bảo, nội dung này đã được Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành công văn chỉ đạo yêu cầu giải quyết theo đúng trình tự, thủ tục. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Phương S, huyện Lục N nghiêm túc rút kinh nghiệm trong giải quyết đơn.

Đối với Công văn số 568/UBND-TNMT ngày 04 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Lục N về việc trả lời đơn của ông Trịnh Hữu H: Ông H không đồng ý với Công văn số 110/UBND-ĐC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phương S, ông H tiếp tục đề nghị Ủy ban nhân dân huyện

Lục N giải quyết, Ủy ban nhân dân huyện Lục N đã giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N tiến hành kiểm tra, xác minh theo đơn đề nghị của ông H. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, xác minh và Báo cáo số 34/BC-TNMT ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N. Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành Công văn số 568/UBND-TNMT ngày 04 tháng 6 năm 2018 trả lời đơn của ông H. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện Lục N đã tiến hành kiểm tra, xác minh theo nội dung đơn đề nghị của ông H và ban hành công văn giải quyết đơn đề nghị của ông H là đúng thẩm quyền và đúng quy trình.

[2.3] Về thẩm quyền ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006: Căn cứ theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 và Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang ban hành Quyết định số 4573/QĐ- UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung:

Ngày 28 tháng 01 năm 2002 hộ ông Đặng Văn Nh1 được Ủy ban nhân dân huyện Lục N, tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1200m² trong đó có 300 m² đất ở và 900 m² đất vườn, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nh1 có thể hiện con đường đi có chiều rộng phía trên giáp làn 2 là 3m, phía giáp đường giao thông có chiều rộng 2,3m, chiều dài 45m có tổng diện tích 119,25 m² con đường này có tứ cận như sau: phía Nam giáp đất ông T, phía Bắc giáp đất ông Nh1, phía Tây giáp đường giao thông của thôn, phía Đông giáp con đường làn 2 theo bản đồ quy hoạch năm 1988.

Đến năm 2005 trên địa bàn xã Phương S được phê duyệt bản đồ địa chính. Ngày 14 tháng 9 năm 2006 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành Quyết định số 84/QĐ-UBND-ĐC thành lập Hội đồng tư vấn xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Phương S.

Ngày 02/11/2006 Hội đồng tư vấn ban hành biên bản xét duyệt đề nghị duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1181 giấy đất ở và 374 giấy đất lâm nghiệp.

Ngày 05/11/2006 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành Thông báo số 100A/ TB-UB về việc công khai hồ sơ đăng ký đất. Ngày 20 tháng 11 năm 2006 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành biên bản về việc kết thúc công khai hồ sơ đăng ký đất, không có cá nhân, tổ chức nào có ý kiến gì.

Ngày 19/12/2006 Ủy ban nhân dân xã Phương S ban hành Tờ trình số 66/TTr-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 1181 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và 374 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

Ngày 20 tháng 12 năm 2006 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Lục N ban hành Tờ trình số 506/TTr-TNMT về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất lâm nghiệp sau khi thực hiện dự án đo đạc bản đồ tại xã Phương S.

Ngày 20 tháng 12 năm 2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất lâm nghiệp sau khi thực hiện dự án đo đạc bản đồ tại xã Phương S trong

đó có hộ gia đình ông Đặng Văn Nh1 được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh xác định nguồn gốc thửa đất xác định từ thời điểm năm 1981 đã có lối đi giáp đất của nhà ông Nh1 và ông T lên làn 2 đất lâm nghiệp có chiều rộng ở phía Tây giáp đường giao thông thôn là 2,3m kéo một đường thẳng dài 45m về hướng Đông giáp con đường làn 2 đi lên đất lâm nghiệp có chiều rộng 3m, con đường này được các hộ dân đi lại để trồng cây lương thực. Những hộ dân có đất lâm nghiệp liên quan đến con đường làn 2 đất lâm nghiệp đã chuyển nhượng đất lâm nghiệp cho những hộ dân có đất thổ cư liền kề phía trước như: Ông Trương Văn D, ông Trương Văn D2 chuyển nhượng đất cho ông Trịnh Hữu K, ông Nguyễn Văn K1 chuyển nhượng đất cho ông Đặng Văn Nh1, ông Nguyễn Văn T1 chuyển nhượng đất cho bà L2,...

Từ năm 1994 đến năm 2005 có 06 hộ dân có đất lâm nghiệp (trong đó có hộ ông K và hộ ông Nh1,...) đã tự bỏ con đường đi làn 2 đất lâm nghiệp để sáp nhập vào diện tích đất của hộ gia đình mình từ trước năm 2005 nên con đường có chiều rộng 2,3 m và 3 mét, chiều dài 45 mét giáp đất nhà ông Nh1 và ông T không được các hộ đi lại và sử dụng đến nữa.

Bên cạnh đó ngày 28 tháng 11 năm 2017 Ủy ban nhân dân xã Phương S đã chỉ đạo thôn Phương L 2 lấy phiếu xin ý kiến nhân dân về việc giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các hộ dân hiện tại hay khôi phục lại con đường quy hoạch năm 1994, kết quả thôn Phương L 2 có 173 hộ dân, số phiếu được phát ra 162 phiếu, số phiếu thu về 159 phiếu (do có 03 hộ dân không nộp lại), số phiếu hợp lệ 155 phiếu, số phiếu không hợp lệ 04 phiếu, số phiếu đồng ý giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của các hộ hiện tại là 66 phiếu, số phiếu ý kiến yêu cầu khôi phục lại con đường quy hoạch năm 1994 là 30 phiếu, số phiếu không có ý kiến gì là 59 phiếu. Như vậy, qua kết quả lấy ý kiến tại thôn Phương L 2 thì có 66 phiếu (chiếm tỷ lệ đa số) phiếu đồng ý giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất. Ông H cho rằng việc lấy phiếu là không khách quan, không đúng quy định của pháp luật nhưng bản thân ông H không đưa ra được căn cứ chứng minh cho ý kiến của ông, chính vì vậy, không thể chấp nhận ý kiến của ông H về việc tổ chức lấy ý kiến của nhân dân do thôn Phương L 2 thực hiện.

Ngoài ra, Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xác định diện tích đất thực tế hộ ông Đặng Văn Nh1 đang sử dụng là 1.218,9 m², tăng 18,9 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Nh1 được cấp năm 2002 và giảm 43,7 m² so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nh1 được cấp năm 2006, việc ông H cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Lục N cấp diện tích 3m chiều rộng và chiều dài 45m vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nh1 là không có căn cứ, do đó không có căn cứ để xác định con đường đi có chiều rộng 2,3x3m và chiều dài 45m theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 nằm trong diện tích đất của hộ ông Đặng Văn Nh1. Mặt khác, Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 không ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trịnh Hữu H vì ông H không có đất lâm nghiệp phía sau làn 2, bản thân ông H khẳng định hiện tại ông không đi lại, không sử dụng đến con đường. Việc Ủy ban nhân dân huyện Lục N ban hành Quyết định

số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 về việc cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có diện tích đất của hộ ông Nh1 tại thửa đất 64, tờ bản đồ 22 xã Phương S đã đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Chính vì vậy không thể chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Lục N về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Đặng Văn Nh1. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu H là không có căn cứ

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu ông Đặng Văn Nh1 khôi phục nguyên trạng ban đầu lối đi chung nằm giữa thửa đất hộ ông Nh1 và ông T với chiều rộng 3m và chiều dài 45m. Hội đồng xét xử nhận thấy việc ông H yêu cầu hủy một phần Quyết định số 4573/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân huyện Lục N về việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đặng Văn Nh1 không có căn cứ. Do đó yêu cầu của ông H buộc ông Nh1 khôi phục nguyên trạng ban đầu lối đi chung nằm giữa thửa đất hộ ông Nh1 và ông T với chiều rộng 3m và chiều dài 45m không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông H và ông K bổ sung yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Lục N bồi thường tiền công chăm sóc cây trồng trên 9 sào đất lâm nghiệp của ông K số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng)/1 năm x 16 năm, bồi thường tiền ông H, ông K thuê luật sư tư vấn, viết đơn khởi kiện và đi khởi kiện số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền phí thuê luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H tại Tòa án là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tuy nhiên, người khởi kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu trên. Mặt khác, yêu cầu này được người khởi kiện bổ sung sau khi Tòa án tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính, yêu cầu khởi kiện này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên không được xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Trịnh Hữu H thuộc hộ cận nghèo nên ông H được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm. Ông Trịnh Hữu K kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Từ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

1. Bác kháng cáo của ông Trịnh Hữu K, ông Trịnh Hữu H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2019/HC-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trịnh Hữu H được miễn nộp tiền án phí hành chính. Ông Trịnh Hữu K không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được

khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000371 ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài